

Số: 44 /KH-UBND

Bắc Giang, ngày 09 tháng 02 năm 2021

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021 - 2025

Căn cứ Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức phong trào “Tết trồng cây” và tăng cường công tác bảo vệ, phát triển rừng ngay từ đầu năm 2021;

Căn cứ Công văn số 50/BNN-TCLN ngày 06/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức phong trào “Tết trồng cây” và tăng cường công tác bảo vệ, phát triển rừng ngay từ đầu năm 2021;

UBND tỉnh Bắc Giang xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện (*Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh*) theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021 - 2025 với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đến năm 2025 đạt mục tiêu trồng mới 30,0 triệu cây xanh và 200 ha rừng trồng phòng hộ (*không tính rừng trồng thay thế và rừng trồng sau khai thác*) theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức phong trào “Tết trồng cây” và tăng cường công tác bảo vệ, phát triển rừng ngay từ đầu năm 2021;

- Phát huy vai trò lãnh đạo, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, cơ quan, đơn vị các cấp và huy động sự tham gia vào cuộc của các đoàn thể, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, chiến sỹ lực lượng vũ trang và nhân dân trong việc thực hiện Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Yêu cầu

- Giao chỉ tiêu, kế hoạch trồng rừng, trồng cây phân tán trong cả giai đoạn và từng năm cụ thể tới từng huyện, thành phố để làm cơ sở tổ chức thực hiện;

- Tập trung quyết liệt trong công tác điều hành, chỉ đạo, chủ động giải quyết những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện;

- Việc tổ chức trồng rừng, trồng cây phân tán phải đúng thời vụ; việc lựa chọn loài cây phải phù hợp với điều kiện thời tiết, khí hậu, đất đai thổ nhưỡng, đem lại hiệu quả kinh tế trong cả giai đoạn 2021 -2025. Sau khi trồng, công tác chăm sóc,

bảo vệ phải được quan tâm và gắn trách nhiệm quản lý, chăm sóc cây sau khi trồng đến từng cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân;

- Việc tổ chức thực hiện đảm bảo thiết thực, hiệu quả, không phô trương, hình thức; tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, trường học, lực lượng vũ trang và mọi tầng lớp nhân dân tích cực tham gia trồng cây, trồng rừng;

- Sau khi thực hiện trồng cây, các địa phương tổ chức kiểm tra, nghiệm thu, đánh giá, rút kinh nghiệm, biểu dương khen thưởng kịp thời những tổ chức, cá nhân điển hình làm tốt; hàng tháng báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh.

II. NỘI DUNG

1. Công tác chỉ đạo, tuyên truyền

- Thực hiện tuyên truyền pháp luật về Lâm nghiệp, bảo đảm pháp luật được thực thi đồng bộ, thống nhất, phát huy hiệu quả trên thực tiễn; nhất là các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc bảo vệ cây trồng; các cơ chế, chính sách về triển khai thực hiện; trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị, người dân trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh; nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân về vai trò, tác dụng, giá trị của rừng, ý nghĩa của việc trồng cây, trồng rừng, bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, góp phần giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; động viên sự tham gia của toàn xã hội chung sức tham gia trồng cây, trồng rừng.

- Chỉ đạo, giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành, các cơ quan, đơn vị, Ban quản lý khu công nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn tỉnh; UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện và đưa vào chương trình công tác, nhiệm vụ hàng năm của đơn vị.

2. Rà soát quỹ đất để trồng rừng, trồng cây phân tán

UBND các huyện, thành phố phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức rà soát chi tiết quỹ đất có thể trồng cây xanh, trồng rừng phòng hộ; xác định từng vị trí, địa điểm, số lượng, loại cây trồng để xây dựng kế hoạch trồng rừng, trồng cây phân tán trên địa bàn quản lý, trong đó cần tập trung các địa điểm sau:

- Địa điểm trồng cây phân tán gồm: Trồng ven đường phố, trồng trong công viên, vườn hoa, quảng trường, khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, các công trình tín ngưỡng, khu văn hóa lịch sử, tôn giáo và các công trình công cộng khác, khu cụm công nghiệp; trên đất vườn, ven đường, bờ vùng, bờ đồng, các diện tích đất nhỏ lẻ khác...

- Trồng rừng tập trung: Trồng rừng phòng hộ.

3. Loài cây trồng và tiêu chuẩn cây trồng

3.1. Loài cây trồng:

Loài cây trồng thuộc Danh mục các loài cây chủ yếu trồng rừng theo các vùng sinh thái lâm nghiệp (tại Quyết định số 4961/QĐ-BNN-TCLN ngày 17/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và các loài cây bản địa khác phù hợp với điều kiện sinh thái tại địa phương. Cụ thể như sau:

- Đối với trồng rừng phòng hộ: Tập trung chủ yếu một số loài cây như: Thông mã vĩ, Thông caribe, Vối thuốc, Lim xanh, Keo...

- Đối với trồng cây phân tán: Tập trung chủ yếu một số loài cây như Phượng, Muồng, Lát Hoa, Lim xẹt, Sưa, Hoàng Nam, Xà cừ, Bàng Đài loan, Sấu, Trám, Lim Xanh, Keo tai tượng, Keo lai, Bạch đàn...

3.2. Tiêu chuẩn cây con xuất vườn:

- Đối với các loài cây sử dụng vào trồng rừng tập trung, cây xanh nông thôn và một số loài cây xanh đô thị (Lát hoa, Lim Xanh, Sấu, Xà cừ, trám): Giá cây và tiêu chuẩn cây con xuất vườn áp dụng theo Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 04/01/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt giá và tiêu chuẩn kỹ thuật cây giống xuất vườn của một số loài cây trồng rừng giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 1015/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt bổ sung giá và tiêu chuẩn kỹ thuật cây giống xuất vườn của một số loài cây trồng năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Đối với các loài cây xanh đô thị khác: Lựa chọn loài cây và tiêu chuẩn cây trồng phù hợp với quy hoạch, mục đích, cảnh quan và điều kiện sinh thái gây trồng của từng địa phương, từng khu vực, địa điểm trồng; tiêu chuẩn cây giống khi đem trồng phải đảm bảo có chiều cao tối thiểu là 1,5 m.

4. Thời gian thực hiện: Thời gian trồng rừng, trồng cây phân tán bắt đầu từ tết trồng cây của các địa phương cho đến hết tháng 10 hằng năm.

5. Trồng cây phân tán giai đoạn 2021-2025

Giai đoạn 2021 -2025, toàn tỉnh tập trung chỉ đạo trồng 30 triệu cây xanh trở lên, trong đó: Sơn Động 3,0 triệu cây, Lục Ngạn 3,0 triệu cây, Lục Nam 2,9 triệu cây, Yên Thế 2,9 triệu cây, Hiệp Hòa 3,0 triệu cây, Tân Yên 3,0 triệu cây, Việt Yên 3,1 triệu cây, Yên Dũng 3,1 triệu cây, Lạng Giang 2,9 triệu cây và TP Bắc Giang 3,1 triệu cây.

Kế hoạch chi tiết cụ thể hàng năm như sau:

DVT: Triệu cây

Năm Huyện	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng
Sơn Động	0,5	0,5	0,5	0,8	0,7	3,0
Lục Ngạn	0,5	0,6	0,6	0,7	0,6	3,0
Lục Nam	0,5	0,6	0,6	0,6	0,6	2,9
Yên Thế	0,4	0,6	0,6	0,6	0,7	2,9
Hiệp Hòa	0,5	0,6	0,6	0,6	0,7	3,0
Việt Yên	0,5	0,7	0,7	0,6	0,6	3,1
Tân Yên	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6	3,0
Yên Dũng	0,6	0,6	0,6	0,7	0,6	3,1
TP Bắc Giang	0,5	0,7	0,7	0,6	0,6	3,1
Lạng Giang	0,4	0,6	0,6	0,6	0,7	2,9
Cộng	5,0	6,1	6,1	6,4	6,4	30,0

(Khối lượng cây giống phân bổ chi tiết theo từng nguồn vốn được thể hiện tại biểu 01 đính kèm).

6. Trồng rừng tập trung là rừng phòng hộ

Giai đoạn 2021 -2025 toàn tỉnh cần tập trung chỉ đạo trồng mới 200,0 ha rừng phòng hộ. Diện tích rừng trồng hàng năm và phân theo từng huyện như sau:

ĐVT: ha

Năm Huyện	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng
Sơn Động	20	20	10	10	10	70
Lục Ngạn	20	20	30	30	30	130
Cộng	40	40	40	40	40	200

7. Cơ chế chính sách và kinh phí thực hiện

7.1. Cơ chế chính sách:

- Đối với cây trồng phân tán:

+ Ngân sách trung ương hỗ trợ 25.000 triệu đồng, tương ứng với 05 triệu cây giống; số cây này được phân bổ cho các huyện, thành phố theo tỷ lệ cây trồng giao theo kế hoạch.

+ Ngân sách tỉnh, huyện hỗ trợ mua 40% của số 25,0 triệu cây giống còn lại (tương ứng 10 triệu cây). Trong đó: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% đối với các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Yên Thế; hỗ trợ 50% đối với các huyện Lục Nam, Hiệp Hòa, Tân Yên, Yên Dũng, Lạng Giang (50% còn lại bố trí từ ngân sách huyện); huyện Việt Yên và thành phố Bắc Giang tự bố trí kinh phí thực hiện.

+ 60% số cây giống còn lại tương ứng với 15 triệu cây, các địa phương huy động nguồn vốn đóng góp từ xã hội hóa, vốn đóng góp hợp pháp của các doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân tham gia trồng rừng, trồng cây xanh thông qua các dự án tài trợ hoặc sáng kiến thành lập quỹ trồng cây xanh ủng hộ cây giống của các địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội,... Nếu xã hội hóa được nhiều hơn thì có thể giảm ngân sách của huyện.

Giá cây giống do ngân sách tỉnh hỗ trợ bình quân 3.000 đồng/cây; nếu địa phương lựa chọn cây giống có giá cao hơn 3.000 đồng thì huy động vốn từ ngân sách huyện, thành phố hoặc từ nguồn vốn xã hội hóa, của các thành phần kinh tế, xã hội khác...

Đối với những diện tích đất công ích (đất trong khu, cụm công nghiệp; đất ven đường có thể trồng cây mà không ảnh hưởng tới hành lang an toàn giao thông; đất trên các bãi bồi ven sông...), khuyến khích các địa phương, BQL khu công nghiệp... cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê đất trồng cây xanh thông qua hợp đồng thuê đất. Số tiền thu được từ việc thuê đất được dùng làm kinh phí để hỗ trợ vào trồng cây xanh trên địa bàn quản lý.

- Đối với trồng rừng phòng hộ: Ngân sách nhà nước đầu tư 100% kinh phí.

7.2. Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2021 -2025 là: **111.500 triệu đồng**, trong đó: Ngân sách trung ương: 31.000 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 21.356 triệu đồng; ngân sách huyện: 13.644 triệu đồng; vốn xã hội hóa: 45.000 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện theo từng hạng mục như sau:

+ Kinh phí trồng cây phân tán là: 100.000 triệu đồng. Trong đó: Ngân sách trung ương 25.000 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 16.356 triệu đồng; ngân sách huyện: 13.644 triệu đồng; vốn xã hội hóa: 45.000 triệu đồng.

+ Kinh phí trồng rừng phòng hộ là 11.000 triệu đồng (đơn giá bình quân khoảng 55 triệu/ha); trong đó: Ngân sách trung ương: 6.000 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 5.000 triệu đồng;

+ Kinh phí quản lý, kiểm tra, giám sát là 500 triệu đồng (100 triệu đồng/năm).

- Kinh phí phân theo nguồn vốn như sau:

* Đối với cây trồng phân tán:

+ Ngân sách trung ương hỗ trợ giai đoạn 2021 -2025 là 25.000 triệu đồng, bình quân mỗi năm 5.000 triệu đồng (*Theo Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng; bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang đã được của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bắc Giang*).

+ Ngân sách tỉnh cấp bổ sung cho giai đoạn 2021 - 2025 là: 16.356 triệu đồng (Năm 2021 là 2.592 triệu đồng, năm 2022 là 3.210 triệu đồng, 2023 là 3.210 triệu đồng, năm 2024 là 3.692 triệu đồng, năm 2025 là 3.652 triệu đồng).

+ Ngân sách huyện là 13.644 triệu đồng (Năm 2021 là 2.208 triệu đồng, năm 2022 là 2.910 triệu đồng, năm 2023 là 2.910 triệu đồng, năm 2024 là 2.788 triệu đồng, năm 2025 là 2.828 triệu đồng).

+ Nguồn vốn xã hội hóa: 45.000 triệu đồng.

(*Dự toán kinh phí trồng cây phân tán cụ thể từng năm theo biểu 02 đính kèm*).

* Đối với trồng rừng tập trung:

+ Ngân sách trung ương: 6.000 triệu đồng (*theo Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng; bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang đã được của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bắc Giang*).

+ Ngân sách tỉnh cấp bổ sung cho giai đoạn 2021 - 2025 là 5.000 triệu đồng (*Dự toán kinh phí trồng rừng tập trung cụ thể từng năm theo biểu 03 đính kèm*).

8. Tổ chức thực hiện

8.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm khẩn trương xây dựng dự án Nâng cao năng lực PCCCR; bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện; phối hợp với UBND các huyện, thành phố thực hiện trồng cây phân tán theo nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ hàng năm;

- Chỉ đạo Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động, Ban quản lý rừng phòng hộ Cẩm Sơn tổ chức thực hiện trồng rừng, chăm sóc rừng phòng hộ bằng nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ hàng năm;

- Đôn đốc việc trồng rừng, trồng cây phân tán ở các địa phương trong tỉnh; hướng dẫn việc lựa chọn cây trồng lâm nghiệp, biện pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc, bảo vệ cây trồng, xong trong tháng 02/2021;

- Hàng năm, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện việc trồng rừng, trồng cây phân tán cho UBND các huyện, thành phố và Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động, Ban quản lý rừng phòng hộ Cẩm Sơn; phân bổ kinh phí quản lý cho Sở Nông nghiệp và PTNT để thực hiện;

- Hàng năm, thành lập đoàn tổ chức kiểm tra kết quả thực hiện trồng cây phân tán của UBND các huyện, thành phố và trồng rừng phòng hộ của Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động, Ban quản lý rừng phòng hộ Cẩm Sơn; theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện việc trồng rừng, trồng cây phân tán hàng năm theo kế hoạch này trên địa bàn tỉnh.

8.2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thành phố; tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện việc trồng rừng, trồng cây phân tán cho UBND các huyện, thành phố; kinh phí trồng rừng phòng hộ cho Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động, Ban quản lý rừng phòng hộ Cẩm Sơn; kinh phí quản lý cho Sở Nông nghiệp và PTNT. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước phục vụ công tác trồng rừng, trồng cây phân tán theo quy định của pháp luật.

8.3. Sở Giao thông vận tải: Phối hợp với UBND các huyện, thành phố và đơn vị liên quan rà soát, xác định đoạn đường và các tuyến đường đủ điều kiện và đảm bảo đúng các quy định để trồng cây phân tán trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ trên các tuyến quốc lộ, đường tỉnh. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện trồng, chăm sóc quản lý bảo vệ cây trồng khu vực hành lang trực lộ các tuyến giao thông.

8.4. Sở Xây dựng, Sở Công Thương

- Phối hợp với UBND các huyện, thành phố và đơn vị liên quan tổ chức rà soát, xác định rõ diện tích đất khuôn viên khu đô thị, khu, cụm công nghiệp phục vụ cho trồng cây phân tán.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện trồng, chăm sóc quản lý bảo vệ cây trồng tại các khu đô thị; khu, cụm công nghiệp.

8.5. Sở Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp UBND các huyện, thành phố và các Sở, ngành liên quan rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, dự án quy hoạch khu dân cư và các chương trình sử dụng đất trồng rừng và cây xanh để điều chỉnh, bổ sung theo hướng ưu tiên diện tích đất trồng cây xanh đô thị, cây trồng phân tán, và trồng rừng.

8.6. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh phân bổ nguồn ngân sách nhà nước đầu tư các chương trình, dự án về quản lý, bảo vệ phát triển rừng và trồng cây xanh trên địa bàn tỉnh.

8.7. Sở Giáo dục và Đào tạo: Phát động phong trào trồng cây xanh trong khuôn viên nhà trường trong dịp đầu xuân, kỷ niệm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, khai giảng năm học mới,...; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện trồng, chăm sóc, quản lý, bảo vệ cây trồng tại các trường học trên địa bàn tỉnh.

8.8. Sở Y tế: Chỉ đạo, hướng dẫn trồng cây xanh; kiểm tra, giám sát việc thực hiện trồng, chăm sóc quản lý bảo vệ cây trồng tại các Bệnh viện, Trạm Y tế.

8.9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chỉ đạo, hướng dẫn trồng cây xanh; kiểm tra, giám sát việc thực hiện trồng, chăm sóc quản lý bảo vệ cây trồng tại các địa điểm du lịch; di tích lịch sử văn hóa.

8.10. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Chỉ đạo, hướng dẫn trồng cây xanh; kiểm tra, giám sát việc thực hiện trồng, chăm sóc quản lý bảo vệ cây trồng tại các doanh trại, đơn vị quân đội trực thuộc.

8.11. Công an tỉnh: Chỉ đạo, hướng dẫn trồng cây xanh; kiểm tra, giám sát việc thực hiện trồng, chăm sóc quản lý bảo vệ cây xanh tại trụ sở Công an tỉnh, các huyện, thành phố, phường, đồn, trạm...

8.12. Sở Nội vụ: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các huyện, thành phố khen thưởng, biểu dương tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện Kế hoạch trồng cây xanh trên địa bàn tỉnh; xây dựng tiêu chí trồng rừng, trồng cây xanh phân tán để tính điểm thi đua hàng năm của UBND các huyện, thành phố.

8.13. Các cơ quan thông tin truyền thông: Phối hợp với các ngành, các cấp liên quan đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của việc trồng rừng, trồng cây xanh phân tán trên địa bàn các huyện, thành phố đến các tổ chức và người dân; góp phần duy trì và phát triển phong trào trồng rừng, trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh.

8.14. Đề nghị các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể, doanh nghiệp, hiệp hội:

- Phát huy mạnh mẽ vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, đoàn thể trong tuyên truyền, vận động thành viên tổ chức tham gia trồng cây, trồng rừng, chăm sóc, quản lý, bảo vệ cây xanh.

- Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng về mục đích, ý nghĩa của việc trồng và bảo vệ rừng, cây xanh; động viên, khuyến khích, kêu gọi toàn dân tham gia trồng cây, trồng rừng, tạo nên phong trào thường xuyên, liên tục, hiệu quả trong toàn xã hội.

- Vận động, hướng dẫn quần chúng, nhân dân ký các cam kết, hương ước về bảo vệ rừng, bảo vệ cây xanh môi trường.

- Huy động nguồn vốn trong các tổ chức, doanh nghiệp; quyên góp của các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng cho phát triển cây xanh.

- Triển khai các hoạt động tình nguyện tham gia trồng rừng; trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh.

6.15. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan chỉ đạo rà soát, xác định chi tiết quỹ đất trồng rừng phòng hộ, trồng mới rừng sản xuất đến lô, khoảnh, xã; đất trồng cây xanh đô thị, trồng cây xanh phân tán vùng nông thôn đến từng khu, cụm công nghiệp, khu dân cư mới, đường quốc lộ, tỉnh lộ, trường học, trụ sở cơ quan, doanh nghiệp, thôn, xóm, xứ đồng, đất bãi bồi... làm cơ sở xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện.

- Xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch trồng rừng, trồng cây xanh phân tán hàng năm và cả giai đoạn 2021-2025 theo chỉ tiêu kế hoạch được giao, trong đó cần xác định rõ nguồn kinh phí huy động để tổ chức thực hiện: Ngân sách huyện, xã, kinh phí xã hội hóa được huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để thực hiện kế hoạch; Kế hoạch triển khai thực hiện của các địa phương gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 31/03/2021 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Giao chỉ tiêu kế hoạch đến UBND các xã, thị trấn, thôn, xóm, các đoàn thể, các tổ chức xã hội, các trường học... đảm bảo việc trồng cây, trồng rừng thiết thực, hiệu quả. Ở huyện, thành lập đoàn (thành phần gồm: Phòng Nông nghiệp và PTNT, Hạt Kiểm lâm, các đoàn thể chính trị xã hội...) kiểm tra, nghiệm thu cây trồng của xã, thị trấn sau khi trồng đảm bảo chất lượng; ở xã thành lập các tổ nghiệm thu cây trồng của thôn bản, trường học... sau khi trồng đảm bảo chất lượng

- Tập trung làm tốt công tác tuyên truyền để mọi người dân, tổ chức, cá nhân hiểu mục đích ý nghĩa của việc trồng rừng, trồng cây phân tán; tích cực tham gia; khuyến khích việc tự nguyện đăng ký trồng rừng, trồng cây xanh phân tán từ cấp cơ sở như: thôn, bản, các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, đoàn thanh niên, trường học, các cơ quan, doanh nghiệp... làm cơ sở cho việc tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch đề ra.

- Phát động phong trào thi đua trồng cây, trồng rừng gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới, gia đình văn hóa, kịp thời phát hiện những cách làm hay, hiệu quả, sáng tạo, huy động được sự tham gia tích cực của người dân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn huyện; đồng thời, lấy việc thực hiện kế hoạch Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh là nhiệm vụ trọng tâm hàng năm của địa phương.

- Tổ chức thực hiện hỗ trợ trồng cây phân tán theo chỉ tiêu kế hoạch và nguồn kinh phí được phân bổ hàng năm.

9. Công tác khen thưởng và chế độ báo cáo

Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thành phố định kỳ báo cáo hàng tháng trước ngày 28 và báo cáo năm trước ngày 15/12 về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*qua Chi cục Kiểm lâm*); lấy kết quả triển khai Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh, giai đoạn 2021 - 2025 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang là nhiệm vụ trọng tâm hàng năm của UBND các huyện, thành phố; đồng thời tổ chức kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm và đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh biểu dương, khen thưởng những tổ chức, cá nhân thực hiện tốt việc trồng rừng, trồng cây phân tán.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ (*Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh*), trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025. Yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện./.

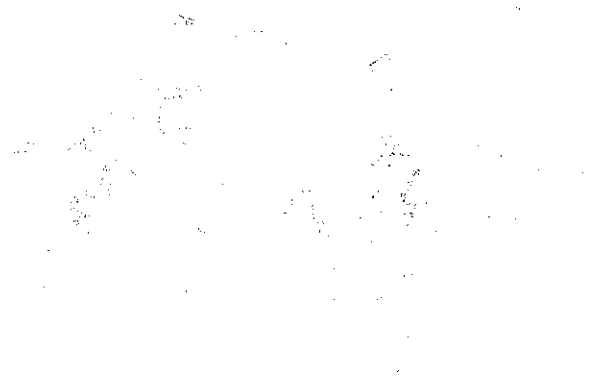
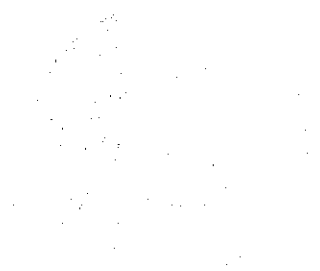
Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP, TH, KTN, TTTT, TKCT;
- + Lưu: VT, NN Thăng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích



Ngân sách trung ương	410,0	492,0	492,0	492,0	492,0	492,0	492,0	492,0	492,0	573,0	573,0	573,0	5.000
Ngân sách tỉnh	501,6	601,9	301,0	601,9	301,0	301,0	301,0	301,0	301,0				3.210
Ngân sách huyện	-		301,0		301,0	301,0	301,0	301,0	301,0	702,5	702,5	702,5	2.910
Vốn xã hội hóa	752,4	902,9	902,9	902,9	902,9	902,9	902,9	902,9	902,9	1.053,7	1.053,7	1.053,7	9.180
Năm 2024													
Tổng	2638,4	2339,6	1983,2	1983,2	1983,2	1983,2	1983,2	1983,2	2339,6	1983,2	1983,2	1983,2	21.200
Ngân sách trung ương	596	599	458	458	458	458	458	458	599	458	458	458	5.000
Ngân sách tỉnh	816,96	696,24	305,04	610,08	305,04	305,04	305,04	305,04	348,12	305,04	305,04	305,04	3.692
Ngân sách huyện			305,04		305,04	305,04	305,04	305,04	348,12	305,04	305,04	610,08	2.788
Vốn xã hội hóa	1225,44	1044,36	915,12	915,12	915,12	915,12	915,12	1044,36	915,12	915,12	915,12	915,12	9.720
Năm 2025													
Tổng	2314,8	1983,6	1983,6	2314,8	1983,6	1983,6	1983,6	2001,6	2318	1983,6	1983,6	2001,6	21.200
Ngân sách trung ương	537	459	459	537	459	459	459	504	545	459	459	504	5.000
Ngân sách tỉnh	711,12	609,84	304,92	711,12	304,92	304,92	304,92	299,52	354,6				3.652
Ngân sách huyện			304,92		304,92	304,92	304,92	299,52	354,6	609,8400	599,0400	599,0400	2.828
Vốn xã hội hóa	1066,68	914,76	914,76	1066,68	914,76	914,76	1066,68	898,56	1063,8	914,76	898,56	898,56	9.720,0

Biểu 03: Dự toán kinh phí trồng rừng tập trung

ĐVT. Triệu đồng

Năm Huyện	2.022		2.023		2.024		2.025		Tổng	
	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh
Sơn Động	600	500	600	500	300	250	300	250	300	1.750
Lục Ngạn	600	500	600	500	900	750	900	750	3.900	3.250
Cộng	1.200	1.000	1.200	1.000	1.200	1.000	1.200	1.000	6.000	5.000



Biểu 04: Tổng dự toán kinh phí thực hiện giai đoạn 2021 -2025

ĐVT. Triệu đồng

Năm thực hiện	Cây phân tán				Trồng rừng tập trung		Tổng cộng				Cộng
	NS TW	NS tỉnh	NS huyện	Vốn xã hội hóa	NS TW	NS tỉnh	NS TW	NS tỉnh	NS huyện	Vốn xã hội hóa	
2021	5.000	2.592	2.208	7.200	1.200	1.000	6.200	3.592	2.208	7.200	19.200
2022	5.000	3.210	2.910	9.180	1.200	1.000	6.200	4.210	2.910	9.180	22.500
2023	5.000	3.210	2.910	9.180	1.200	1.000	6.200	4.210	2.910	9.180	22.500
2024	5.000	3.692	2.788	9.720	1.200	1.000	6.200	4.692	2.788	9.720	23.400
2025	5.000	3.652	2.828	9.720	1.200	1.000	6.200	4.652	2.828	9.720	23.400
Cộng	25.000	16.356	13.644	45.000	6.000	5.000	31.000	21.356	13.644	45.000	111.000

Ghi chú: Tổng dự toán trên chưa bao gồm kinh phí quản lý (500 triệu đồng)